TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **438/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lưu Duy Mạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Văn Cường.

+ Bà Võ Thị Lệ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cà Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2023/QDST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Hoàng L; sinh năm: 1957 (Xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn* Nguyễn Hoàng L *trình bày:***

Ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1985, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 1992 thì do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông L phải đi làm ăn xa để có thu nhập cho gia đình nên ông L và bà N phải sống cách xa nhau; từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hiện nay, ông L và bà N không còn chung sống với nhau. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Hoàng L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị N có 02 người con chung: anh Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 22/09/1986 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 18/07/1992. Do anh L1, chị Y đã trên 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

**** Bị đơn*** Nguyễn Thị N ***đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sựNguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn L2 và bà Trần Thị N1 sống chung năm 1985, tuy ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 1992, do cuộc sống mưu sinh nên phải sống xa nhau cho đến nay. Do sống xa nhau nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn nên ông L2 có yêu cầu ly hôn với bà N1; trong quá trình giải quyết vụ án, dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà N1 vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy, bà N1 đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân với ông L2, không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đìnhnhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Hoàng L3 với bà Nguyễn Thị N. Về con chung: ông L3 và bà N có hai người con, đều đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Ông L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét

xử căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông L và bà N.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 1992 do cuộc sống mưu sinh dẫn đến ông L phải đi làm ăn xa nên vợ chồng phải sống xa nhau nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn; hiện nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau; ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy, bà N đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân với ông L, không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Nhận thấy, hôn nhân giữa ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị N có 02 người con chung: anh Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 22/09/1986 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 18/07/1992. Do anh L1, chị Y đã trên 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông L là người cao tuổi (đã trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu được miễn án phí đo đó căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 2 Điều 227; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Hoàng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị N có 02 người con chung: anh Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 22/09/1986 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 18/07/1992. Do anh L1, chị Y đã trên 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Hoàng L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh